

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;
2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 901/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Trùng D, sinh năm 1996, địa chỉ cư trú: ấp T1, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Phan Thu H trình bày: bà và ông Lê Trùng D do mai mối, tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang, thời gian chung sống được 07 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, hiện đã không còn sống chung với nên xin ly hôn với ông Lê Trùng D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Xuân B, sinh ngày 29/5/2012, hiện do ông D đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con, yêu cầu

ông D cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà H xác định đồng ý để ông D nuôi cháu Lê Xuân B, không tranh chấp việc nuôi con với ông D.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Trùng D đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phan Thu H khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn với ông Lê Trùng D. Ông D có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Ông Lê Trùng D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phan Thu H và ông Lê Trùng D là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà không được hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Trong quá trình giải quyết ông D đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của bà H và vắng mặt không lý do. Xét thấy, bà H yêu cầu ly hôn lý do trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà không được hạnh phúc nên đã không còn sống chung với nhau đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà H xác định vợ chồng có 01 con chung tên Lê Xuân B, sinh ngày 29/5/2012, khi ly hôn bà H không tranh chấp việc nuôi con mà đồng ý để ông D tiếp tục nuôi con. Xét thấy con chung hiện còn nhỏ và ông D đang nuôi dưỡng chăm sóc, bà H không tranh chấp về việc nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử không xét mà để ông D được tiếp tục nuôi con.

[2.3] về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên không xét đến

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thu H.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thu H ly hôn với ông Lê Trùng D. Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 14/02/2012 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp, không còn giá trị pháp lý.

2) Về quan hệ con chung: Ông Lê Trùng D được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Xuân B, sinh ngày 29/5/2012. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Không có nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Phan Thu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007689 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Phan Thu H đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hùng